

CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP XÃ, HUYỆN MỸ XUYÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2024
của Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên)

STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ			ĐIỂM CHỈ SỐ ĐẠT ĐƯỢC	GHI CHÚ
			ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC	TỰ ĐÁNH GIÁ	UBND HUYỆN ĐÁNH GIÁ		
I	KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)	64,00					Đơn vị báo cáo
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	15,50					
1.1	Kế hoạch cải cách hành chính	1,00					
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC	1,00					
	Đạt yêu cầu về nội dung (đủ nhiệm vụ, rõ sản phẩm, rõ trách nhiệm, thời gian hoàn thành)	0,50					
	Có bố trí kinh phí thực hiện	0,25					
	Đạt yêu cầu về thời gian (trong vòng 30 ngày, kể từ ngày UBND huyện ban hành kế hoạch CCHC)	0,25					
1.2	Mức độ triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính năm của đơn vị	1,00					
1.3	Thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ	1,00					
1.3.1	Báo cáo CCHC quý I	0,25					
	Báo cáo CCHC 06 tháng	0,25					
	Báo cáo CCHC quý III	0,25					
	Báo cáo CCHC năm	0,25					
1.4	Công tác tuyên truyền cải cách hành chính	2,50					
1.4.1	Kết quả tuyên truyền CCHC do đơn vị thực hiện	1,00					
1.4.2	Hàng quý có ít nhất 01 tin, bài viết gửi Phòng Nội vụ để kiểm tra nội dung tuyên truyền trình Ban biên tập (UBND huyện) duyệt đăng trên Cổng thông tin điện tử huyện	1,00					
1.4.3	Tích cực tham gia tuyên truyền CCHC do huyện triển khai phát động	0,50					
1.5	Những giải pháp về chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính	3,50					
1.5.1	Thực hiện phong trào thi đua khen thưởng cải cách hành chính	0,50					
1.5.2	Người đứng đầu phụ trách công tác cải cách hành chính của đơn vị	1,00					
1.5.3	Sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC tại đơn vị mang lại hiệu quả	2,00					
	Thực hiện duy trì hiệu quả các sáng kiến đã triển khai được huyện công nhận trước năm đánh giá	0,50					
	Có 01 sáng kiến, giải pháp mới về cải cách hành chính được huyện công nhận	1,00					
	Có thêm từ 01 sáng kiến, giải pháp mới về cải cách hành chính được huyện công nhận trở lên	0,50					
1.6	Thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính do UBND huyện giao	2,00					
1.6.1	Thực hiện nhiệm vụ liên quan CCHC của UBND huyện giao	1,00					
1.6.2	Thực hiện các ý kiến chỉ đạo của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện về triển khai giải pháp nâng cao chất lượng cải cách hành chính	1,00					
1.7	Đóng góp cải thiện Chỉ số CCHC huyện Mỹ Xuyên	1,00					
1.8	Kiểm tra cải cách hành chính	1,50					
1.8.1	Ban hành Kế hoạch thực hiện kiểm tra công tác CCHC trong đơn vị	0,50					
1.8.2	Mức độ thực hiện kế hoạch đạt 100%	0,50					
1.8.3	Xử lý sau kiểm tra đạt 100%	0,50					
1.9	Công tác thi đua, khen thưởng	2,00					
1.9.1	Ban hành các văn bản công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn cấp xã đảm bảo đúng nội dung theo quy định, kịp thời, đầy đủ nội dung, sát với tình hình thực tế tại đơn vị	1,00					
1.9.2	100% sáng kiến cấp cơ sở của cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách trong đơn vị được UBND huyện công nhận	1,00					
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	4,00					
2.1	Thực hiện kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo Kế hoạch của UBND huyện	2,00					
2.1.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trong đơn vị đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định	0,50					

STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ			ĐIỂM CHỈ SỐ ĐẠT ĐƯỢC	GHI CHÚ
			ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC	TỰ ĐÁNH GIÁ	UBND HUYỆN ĐÁNH GIÁ		
2.1.2	Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực kịp thời, đúng quy định	0,50					
2.1.3	Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật đầy đủ nội dung đúng theo thời gian quy định	1,00					
2,2	Công tác theo dõi thi hành pháp luật	1,00					
2.2.1	Ban hành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật trong đơn vị đảm bảo đúng thời gian theo quy định	0,50					
2.2.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật đạt 100% kế hoạch đề ra	0,50					
2,3	Thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật	1,00					
2.3.1	Ban hành kế hoạch thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại đơn vị đảm bảo đúng thời gian theo quy định	0,50					
2.3.2	Thực hiện báo cáo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất) đúng thời gian quy định	0,50					
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)	11,00					
3.1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính trong năm	2,00					
3.1.1	Thực hiện rà soát, đơn giản hóa TTHC theo thẩm quyền	1,00					
3.1.2	Thực hiện rà soát TTHC nội bộ	1,00					
3.2	Công khai thủ tục hành chính	1,00					
3.2.1	Niên yết, công khai TTHC tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC	0,50					
3.2.2	Đăng tải công khai đầy đủ, kịp thời 100% TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết trên Trang thông tin một cửa điện tử tại đơn vị	0,50					
3.3	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	1,00					
3.3.1	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	0,50					
3.3.2	Xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	0,50					
3.4	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	2,00					
3.4.1	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được thực hiện theo cơ chế một cửa	0,50					
3.4.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa	0,50					
3.4.3	Triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại đơn vị	0,50					
3.4.4	Thực hiện tiếp nhận, xử lý và trả kết quả hồ sơ TTHC đúng quy định	0,50					
3,5	Kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính	3,00					
3.5.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	2,50					
3.5.2	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức và có văn bản giải trình của Thủ trưởng cơ quan gửi Chủ tịch UBND huyện khi để xảy ra trễ hạn trong giải quyết hồ sơ TTHC	0,50					
3,6	Kịp thời kiện toàn Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả để giải quyết công việc liên quan đến người dân, doanh nghiệp đúng quy định	1,00					
3,7	Thực hiện ban hành Quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả đúng quy định	1,00					
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY	5,50					
4,1	Thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại địa phương	1,00					
4,2	Thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy đúng theo quy định	1,00					
4,3	Cơ cấu số lượng lãnh đạo, quản lý UBND cấp xã đúng quy định	0,50					
4,4	Sử dụng biên chế, số lượng người làm việc được giao	1,00					
4.4.1	Số lượng cán bộ, công chức hiện có mặt không vượt so với biên chế được giao	0,50					
4.4.2	Số lượng người làm việc (người hoạt động không chuyên trách) cấp xã trong đơn vị hiện có mặt không vượt so với số lượng được giao	0,50					
4,5	Tình hình ban hành Quy chế làm việc	0,50					
4.5.1	Ban hành Quy chế làm việc tại đơn vị đảm bảo đúng theo quy định	0,50					

STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ			ĐIỂM CHỈ SỐ ĐẠT ĐƯỢC	GHI CHÚ
			ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC	TỰ ĐÁNH GIÁ	UBND HUYỆN ĐÁNH GIÁ		
4.5.2	Ban hành chưa đảm bảo theo quy định	0,00					
4,6	Thực hiện phân cấp quản lý	1,50					
4.6.1	Kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước của UBND cấp xã	0,50					
4.6.2	Xử lý các vấn đề phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1,00					
5	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	8,00					
5,1	Thực hiện tiêu chuẩn ngạch công chức	1,00					
5.1.1	Tiêu chuẩn cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý	0,50					
5.1.2	Tiêu chuẩn ngạch cán bộ, công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	0,50					
5,2	Hoàn thiện vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức theo quy định	0,50					
5.2.1	Thực hiện tuyển dụng công chức cấp xã	0,50					
5.2.2	Phân công, bố trí, cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách theo quy định	1,00					
5,3	Thực hiện tinh giản biên chế theo quy định	0,50					
5,4	Thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách hàng năm	0,50					
5,5	Thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức theo quy định	0,50					
5,6	Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức	0,50					
5,7	Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã	1,00					
5.7.1	Trong năm không có cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý của đơn vị bị kỷ luật do vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính	0,50					
5.7.2	Trong năm không có cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị kỷ luật do vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính	0,50					
5,8	Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã	2,00					
5.8.1	100% cán bộ cấp xã đạt chuẩn theo quy định	1,00					
5.8.2	100% công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định	1,00					
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	4,00					
6,1	Xây dựng và cập nhật, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý, sử dụng tài sản công	2,00					
6,2	Công khai dự toán năm hiện hành và quyết toán ngân sách năm liền kề theo quy định của Bộ Tài chính	2,00					
7	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	16,00					
7,1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT)	15,00					
7.1.1	Mức độ thực hiện các văn bản chỉ đạo có liên quan đến Chuyển đổi số trong đơn vị	2,00					
7.1.2	Xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng	3,00					
7.1.3	Công khai thủ tục hành chính trên môi trường điện tử	1,00					
7.1.4	Tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính trên môi trường điện tử	2,00					
7.1.5	Đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính	1,00					
7.1.6	Dịch vụ công trực tuyến	3,00					
7.1.7	Cổng/trang thông tin một cửa điện tử	1,00					
7.1.8	Tiêu chí khác liên quan đến Chuyển đổi số	2,00					
7,2	Áp dụng ISO trong hoạt động	1,00					
7.2.1	Cơ quan có thực hiện duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng đúng quy định	1,00					
II	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	36,00					
1	Tác động của công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính	21,00					
1,1	Nâng cao tỷ lệ Chỉ số cải cách hành chính của đơn vị	2,00					Đơn vị báo cáo
1,2	Sự quan tâm của lãnh đạo đơn vị đối với công tác CCHC tại đơn vị	0,50					ĐTXHH

STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ			ĐIỂM CHỈ SỐ ĐẠT ĐƯỢC	GHI CHÚ
			ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC	TỰ ĐÁNH GIÁ	UBND HUYỆN ĐÁNH GIÁ		
1,3	Nâng cao mức độ am hiểu, nhận thức của cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách	0,50					ĐTXHH
1,4	Mức hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính	15,00					ĐTXHH
1,5	Hiệu quả, tác động của cải cách đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	4,00					Đơn vị báo cáo
	<i>Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn</i>	1,50					
	<i>Doanh thu bán lẻ hàng hóa</i>	0,25					
	<i>Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế</i>	0,25					
	<i>Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội của lực lượng lao động trong độ tuổi</i>	0,25					
	<i>Giải quyết việc làm mới</i>	0,25					
	<i>Dạy nghề (kể cả tư nhân)</i>	0,25					
	<i>Tỷ lệ lao động qua đào tạo</i>	0,25					
	<i>Tỷ lệ lao động đang làm việc so với tổng số lao động trong độ tuổi</i>	0,25					
	<i>Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hằng năm</i>	0,25					
	<i>Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn</i>	0,25					
<i>Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường</i>	0,25						
2	Tác động của cải cách đến chất lượng VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của địa phương	2,00					ĐTXHH
2.2.1	Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước	0,50					
2.2.2	Tính hợp lý của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước	0,50					
2.2.3	Tính khả thi của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước	0,50					
2.2.4	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước	0,50					
3	Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy	3,00					ĐTXHH
3.3.1	Tính phù hợp trong sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của đơn vị thuộc quyền quản lý	0,50					
3.3.2	Tình hình thực hiện quy chế làm việc	0,50					
3.3.3	Tính hợp lý trong phân công chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý	0,50					
3.3.4	Mối quan hệ, phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa các đơn vị có liên quan	0,50					
3.3.5	Chất lượng chỉ đạo, đốc đốc thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền	0,50					
3.3.6	Mức độ tiến bộ trong thực hiện quản lý, điều hành theo chức năng, nhiệm vụ so với năm trước liền kề	0,50					
4	Tác động của cải cách đến cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách	4,50					ĐTXHH
4.4.1	Thực hiện phân công, bố trí cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách đúng theo vị trí việc làm được phê duyệt	0,50					
4.4.2	Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách (khen thưởng, nâng lương,...) đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách	0,50					
4.4.3	Mức độ hoàn thiện và khoa học trong thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức người hoạt động không chuyên trách (khách quan; công khai, minh bạch; công bằng; khoa học dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, năng lực của cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách)	0,50					
4.4.4	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ trong phối hợp, xử lý công việc của cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách	0,50					
4.4.5	Tình thần trách nhiệm đối với công việc trong phối hợp, xử lý công việc	0,50					
4.4.6	Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân trong phối hợp, xử lý công việc	0,50					
4.4.7	Tính chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức (Tuân thủ thời gian làm việc, tình hình sử dụng rượu bia, thuốc lá trong giờ làm việc, tuân thủ nội dung đạo đức văn hóa công vụ)	0,50					
4.4.8	Mức độ hoàn thiện các kỹ năng mềm cần thiết đối với cán bộ, công chức	0,50					
4.4.9	Tình trạng tiêu cực trong bộ nhiệm cán bộ, công chức tại địa phương	0,50					
5	Tác động của cải cách đến tài chính công	3,00					ĐTXHH

STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ			ĐIỂM CHỈ SỐ ĐẠT ĐƯỢC	GHI CHÚ
			ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC	TỰ ĐÁNH GIÁ	UBND HUYỆN ĐÁNH GIÁ		
5.5.1	Đánh giá về thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí	1,00					
5.5.2	Tính hiệu quả trong thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí	1,00					
5.5.3	Đánh giá về tình hình tuân thủ quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và đảm bảo quy định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công	1,00					
6	Tác động của cải cách đến xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính quyền số	2,50					ĐTXHH
6.1	Tác động của cải cách đến việc ứng dụng CNTT trong hoạt động	2,00					
6.1.1	Hiệu quả sử dụng các phần mềm dùng chung	1,00					
6.1.2	Chất lượng, hiệu quả xử lý công việc trên môi trường mạng	0,50					
6.1.3	Nhận thức của cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách tại đơn vị về Chuyển đổi số	0,50					
6.2	Tác động của cải cách đến việc áp dụng ISO trong hoạt động	0,50					
TỔNG ĐIỂM		100,00					

STT	Xếp loại	Tỷ lệ
1	Nhóm 1 - Rất tốt	Trên 90%
2	Nhóm 2 - Tốt	Từ 80% đến 90%
3	Nhóm 3 - Khá	Từ 65% đến dưới 80%
4	Nhóm 4 - Trung bình	Từ 50% đến dưới 65%
5	Nhóm 5 - Kém	Dưới 50%

***Ghi chú:**

Điểm Chỉ số đạt được của từng đơn vị sẽ được quy đổi thành tỷ lệ % trên cơ sở tính tổng điểm đạt được/tổng điểm chuẩn.

